

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-ST
Ngày: 30-5-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thông

2/ Ông Trần Tiến Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 121/2017/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 05/4/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 23/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-DS ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Địa chỉ: Số 40 đường L, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị H, sinh năm 1992, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Ngân hàng P chi nhánh Quảng Nam, trú tại: D41, 42 đường N nối dài, khu TTTM, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Theo văn bản ủy quyền số 08/GUQ-CNQN.17 ngày 30/5/2018 (có mặt).

- *Đồng bị đơn:* Ông Phan Văn Q, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Cùng trú tại: Khố phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941, trú tại: Khố phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện nguyên đơn theo ủy quyền bà Trương Thị H trình bày:

Vào ngày 25-12-2014 Ngân hàng Thương mại cổ phần P chi nhánh Quảng Nam (gọi tắt là Ngân hàng) có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q vay số tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 431/2014/HĐTD-CN, lãi suất vay cố định 9,99%/năm trong 36 tháng đầu, từ tháng 37 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi đã thỏa thuận, thời hạn vay là 60 tháng. Định kỳ vào ngày 05 hằng tháng vợ chồng bà N phải trả nợ gốc và lãi theo dư nợ thực tế. Để bảo đảm cho khoản vay bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp tài sản là : Quyền sử dụng đất số 345, tờ bản đồ số 17 đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN966252 cấp ngày 26-11-2008 cùng tài sản gắn liền trên đất, thuộc khối phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đứng tên bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T.

Theo thỏa thuận hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng bà N ông Q, tuy nhiên trong quá trình vay, vợ chồng bà N ông Q đã vi phạm hợp đồng, trả gốc và lãi không đúng thỏa thuận hợp đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q phải thanh toán toàn bộ khoản tiền còn nợ là 54.386.547 đồng, trong đó gốc là 49.502.975 đồng và lãi tính đến ngày 30-5-2018 là 4.883.572 đồng. Nếu vợ chồng bà N không thanh toán toàn bộ khoản nợ vay còn lại, Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q trình bày:

Cuối năm 2014 vợ chồng ông bà có làm thủ tục vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 9,99%/năm, thời hạn vay là 60 tháng theo phương thức trả gốc và lãi hằng tháng. Khi vay thì bà N và bà T (là chị ruột bà N) đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất số 345, tờ bản đồ số 17 đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN966252 cấp ngày 26-11-2008 cùng tài sản gắn liền trên đất, đứng tên bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T. Nay Ngân hàng khởi kiện, vợ chồng ông bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông bà đề nghị xin trả dần khoản nợ trên cho đến khi hết nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tổng đạt thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án đến người có quyền lợi nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị T, nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt, theo quy định tại điều Điều 227

và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/. Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần P khởi kiện bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q yêu cầu thanh toán khoản tiền vay còn nợ, căn cứ vào Điều 4 hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận, nếu bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong hợp đồng thì Ngân hàng được toàn quyền quyết định chuyển toàn bộ dư nợ của bên vay sang nợ quá hạn và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi nợ; do vợ chồng bà N ông Q vi phạm cam kết trả nợ, căn cứ vào Điều 35 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên bà T không đến Tòa án cũng như từ chối trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T tiếp tục vắng mặt, theo quy định khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

2/. Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 431/2014/HĐTD-CN ngày 25-12-2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, chi nhánh Quảng Nam và vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q đã ký kết với số tiền vay là 100.000.000đồng; lãi suất thỏa thuận 9,99%/năm trong 36 tháng đầu, từ tháng 37 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi đã thỏa thuận, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 60 tháng, tính từ ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay là ngày 27-5-2014. Theo thỏa thuận hợp đồng vợ chồng bà N có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 05 hằng tháng, do vợ chồng bà N vi phạm cam kết trả nợ nên theo quy định tại khoản 4 Điều 4 hợp đồng tín dụng số 431/2014/HĐTD-CN ngày 25-12-2014, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Để bảo đảm cho khoản vay, bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất số 345, tờ bản đồ số 17 đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN966252 ngày 26-11-2008 cùng tài sản gắn liền trên đất, thuộc khối phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đứng tên bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T, theo hợp đồng thế chấp số 431/2014/BĐ ngày 25-12-2014. Quá trình tố tụng bà T từ chối trình bày quan điểm cá nhân của bà đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuy nhiên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25-12-2014 đã được các bên thỏa thuận, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 25-12-2014, do đó hợp đồng thế chấp số 431 ngày 25/12/2014 là hợp pháp. Trong trường hợp vợ chồng bà N ông Q không thanh toán được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Quá trình tố tụng bà N và ông Q thừa nhận khoản vay 100.000.000 đồng, đã trả được gốc là 50.497.025 đồng và còn nợ số tiền gốc là 49.502.975 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế hiện tại quá khó khăn nên vợ chồng bà N ông Q xin trả dần khoản nợ trên nhưng Ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở xem xét chấp nhận. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N ông Phan Văn Q có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ là 54.386.547 đồng, trong đó gốc là 49.502.975 đồng và lãi tính đến ngày 30-5-2018 là 4.883.572 đồng là đúng quy định tại điều 466, 468, 470 BLDS năm 2015.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 ông Phan Văn Q được miễn tiền án phí, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(54.386.547 \text{ đồng} \times 5 \%) / 2 = 1.359.663 \text{ đồng}$ nhưng được xét giảm 50% án phí vì có đơn xin miễn giảm và được chính quyền địa phương xác nhận. Bà N phải nộp là 679.831 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 320, Điều 323, Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 13 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

-Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tổng cộng số tiền vay còn nợ là 54.386.547 đồng (*Năm mươi tư triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó gốc là 49.502.975 đồng và lãi tính đến ngày 30-5-2018 là 4.883.572 đồng.

Bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q tiếp tục trả lãi vay theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 431/2014/HĐTD-CN ngày 25-12-2014 kể từ ngày 31-5-2018 cho đến khi thanh toán xong.

Nếu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn Q không thanh toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 345, tờ bản đồ số 17 đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN966252 cấp ngày 26-11-2008 cùng tài sản gắn liền trên đất, thuộc khối phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đứng tên bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn Q được miễn án phí; bà Nguyễn Thị N phải chịu 679.831 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.496.201 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003059 ngày 14-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30-5-2018). Riêng những người vắng mặt thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tam Kỳ;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

